

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 1954/SGDDĐT-QLCL ngày 28/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Mã trường ĐKDT	ĐK Dự thi	Số TS xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh			Trúng tuyển								
			Số lượng	Số lớp	Số HS/lớp	NV1	NV2	Số lượng	Số lớp	Số HS/lớp	Chỉ tiêu tuyển %	Tuyển thẳng	Xét tuyển	
THỦ ĐAU MỘT		4.704	3.317	2.696	52				2.662	63		72,46%	12	0
01	Chuyên Hùng Vương	1074	836	385					357	11				
02	Võ Minh Đức	886	713	625	14	45	17,90	18,60	624	14	45		1	
03	An Mỹ	1030	791	675	15	45	17,35	17,55	671	15	45		5	
04	Bình Phú	1023	822	516	12	43	16,55	16,70	519	12	43		1	
05	Nguyễn Đình Chiểu	691	512	495	11	45	16,15	16,25	491	11	45		5	
THUẬN AN		3.542	2.820	2.290	54				2.291	53		81,24%	8	0
06	Trịnh Hoài Đức	575	488	520	13	40	22,25	23,00	521	13	40			
07	Nguyễn Trãi	808	717	585	13	45	18,15	18,70	585	13	45		2	
08	Trần Văn Ôn	1059	734	540	12	45	17,20	17,30	539	12	45		2	
30	Lý Thái Tổ	1100	881	645	15	43	17,55	17,75	646	15	43		4	
DĨ AN		3.406	2.743	2.125	50				2.161	50		78,78%	12	0
09	Dĩ An	575	522	504	12	42	22,10	23,00	501	12	42		3	
10	Nguyễn An Ninh	1091	737	560	13	43	17,65	17,80	559	13	43		3	
11	Bình An	928	721	430	10	43	19,35	19,80	431	10	43		1	
29	Nguyễn Thị Minh Khai	812	763	675	15	45	19,05	19,15	670	15	45		5	
TÂN UYÊN		2.396	1.829	1.260	30				1.257	30		68,65%	10	0
12	Tân Phước Khánh	586	497	420	10	42	18,10	19,40	425	10	42			
13	Thái Hoà	908	608	400	9	44	17,25	17,35	397	9	44		5	
14	Huỳnh Văn Nghệ	902	726	440	11	40	16,80	16,90	435	11	40		5	
BẮC TÂN UYÊN		860	796	720	17				732	17		91,96%	4	
15	Thường Tân	199	174	168	4	42	14,95	15,20	169	4	42		1	
16	Lê Lợi	311	297	294	7	42	14,65	14,85	293	7	42		1	
17	Tân Bình	350	325	270	6	45	15,80	15,95	270	6	45		2	
PHÚ GIÁO		1.121	1.040	1.120	27				1.112	27		106,92%	11	0
18	Phước Vĩnh	539	495	520	12	43	12,20	12,45	516	12	43		7	
19	Nguyễn Huệ	192	184	160	4	40	14,70	15,05	159	4	40		1	
20	Tây Sơn	176	165	200	5	40	13,40	13,90	200	5	40			
27	Phước Hoà	214	196	240	6	40	13,95	14,25	237	6	40		3	
BẾN CÁT		1.573	1.404	1.150	27				1.170	27		83,33%	6	0
21	Bến Cát	943	846	675	15	45	17,60	18,70	673	15	45		3	
22	Tây Nam	630	558	500	12	42	15,35	15,45	497	12	42		3	
BÀU BÀNG		940	803	585	13				583	13		72,60%	2	1
23	Bàu Bàng	940	803	585	13	45	15,05	15,15	583	13	45		2	1
DẦU TIẾNG		1.116	1.032	1.030	25				1.044	25		101,16%	4	1
24	Thanh Tuyền	247	225	220	5	44	13,85	14,20	222	5	44		1	
25	Dầu Tiếng	413	378	360	9	40	13,15	13,35	360	9	40		1	1
26	Mình Hòa	272	261	252	6	42	12,50	12,95	252	6	42		1	
28	Long Hòa	184	168	210	5	42	12,75	13,15	210	5	42		1	
Tổng cộng		19.658	15.784	12.976	295				13.012			82,44%	69	2



**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Công văn 1954/SGDĐT-QLCL ngày 28/6/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Môn	Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển
1	Tiếng Anh	34,40	70
2	Hóa Học	34,55	35
3	Vật Lí	30,15	35
4	Sinh học	28,475	35
5	Tin Học	29,45	19
6	Toán	36,45	70
7	Ngữ văn	31,40	35
8	Địa Lí	26,00	24
9	Lịch Sử	24,30	34
Tổng cộng			357